ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ** Số: 1379/ĐA-UBND	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quảng Trị, ngày 16 tháng 5 năm 2013*

ĐỀ ÁN

Xây dựng thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II vào năm 2020

(Kèm theo Tờ trình số 1379 /TTr-UBND ngày 16 /5/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Đông Hà được hình thành từ những năm đầu của thế kỷ 20, giai đoạn 1929 đến cách mạng tháng Tám năm 1945, Đông Hà là một thị trấn nhỏ, đơn vị hành chính ngang cấp huyện, là một trong những trọng điểm cai trị của thực dân Pháp ở Quảng Trị. Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đông Hà là một chiến trường vô cùng ác liệt, sau ngày giải phóng 28/4/1972, thị xã Đông Hà bị chiến tranh tàn phá nặng nề, toàn thị xã là một bãi chiến trường đổ nát. Do chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại nên hiện trạng kinh tế - xã hội của thị xã rất thấp.

Từ tháng 5 năm 1976 đến tháng 7 năm 1989, thị xã Đông Hà thuộc tỉnh Bình Trị Thiên. Trong thời gian này, địa giới Đông Hà có những biến đổi theo hướng mở rộng. Ngày 11/9/1981, Hội đồng Bộ trưởng đã có Quyết định số 64/HĐBT về việc mở rộng thị xã Đông Hà, thị xã Đông Hà được sát nhập thêm các xã là Cam Giang, Cam Thanh, Cam Thành, Cam Thuỷ, Cam Hiếu, Cam Tuyền, Cam Chính, Cam Nghĩa (thuộc huyện Bến Hải) và Triệu Lương, Triệu Lễ (thuộc huyện Triệu Hải), những năm đầu giải phóng, đất nước gặp nhiều khó khăn nên cơ sở hạ tầng, kinh tế và xã hội đầu tư không đáng kể.

Tháng 7/1989, tỉnh Quảng Trị được tái lập lại, Đông Hà được chọn làm thị xã tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Trị, với 9 đơn vị hành chính cấp phường, tổng diện tích đất tự nhiên: 7.255,44 ha. Phía Bắc giáp huyện Cam Lộ và Gio Linh; Phía Nam và phía Đông giáp huyện Triệu Phong; Phía Tây giáp huyện Cam Lộ. Kể từ đó Đông Hà có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển về kinh tế - xã hội, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, cơ sở hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư xây dựng. Thị xã Đông Hà trở thành đô thị trung tâm về chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội của tỉnh nhà, có vai trò gắn kết hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương lân cận, của tỉnh và các đô thị trên trục Quốc lộ 1A.

Với mục tiêu xây dựng thị xã Đông Hà phát triển theo hướng văn minh, giàu đẹp, xứng tầm là đô thị trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Trị và là thành phố

động lực trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây theo Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra, được sự hỗ trợ của Trung ương, các chương trình, dự án trên địa bàn thị xã Đông Hà đã được đầu tư. Kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và cảnh quan đô thị có những bước phát triển đáng kể, nhiều công trình được đầu tư với quy mô lớn, có kiến trúc hiện đại. Đánh dấu bước phát triển toàn diện của thị xã, ngày 13 tháng 12 năm 2005, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 2285/QĐ-BXD công nhận thị xã Đông Hà là đô thị loại III. Đặc biệt, ngày 11 tháng 8 năm 2009, Chính phủ đã ra Nghị quyết số 33/NQ-CP về thành lập thành phố Đông Hà trực thuộc tỉnh Quảng Trị.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đông Hà là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Trị, có vị trí quan trọng trong vùng Bắc Trung Bộ, nằm trên đường Quốc lộ 1, đường sắt theo trục Bắc Nam và tuyến hành lang Đông - Tây, là ngã ba đầu mối giao thông quan trọng, từ đây có thể giao lưu thông suốt với mọi miền đất nước. Đông Hà còn là nơi tập trung các khu công nghiệp, các trường đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật của tỉnh Quảng Trị và vùng Bắc Trung Bộ, là nơi tiếp nhận hỗ trợ công nghệ khoa học kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm, lao động trong vùng.

Mặc dù đã được công nhận đô thị loại III theo Quyết định số 2285/QĐ-BXD ngày 13/12/2005 của Bộ Xây dựng và là thành phố trực thuộc tỉnh theo Nghị quyết 33/NQ-CP ngày 11/8/2009 của Chính phủ, tuy nhiên đến nay Đông Hà vẫn còn một số tiêu chí chưa đạt theo tiêu chí của đô thị loại III.

Việc tập trung nguồn lực để hoàn thành tiêu chí đô thị loại III và nâng cấp thành phố Đông Hà lên đô thị loại II nhằm thực hiện một bước phát triển mới về kinh tế, văn hoá - xã hội của tỉnh Quảng Trị nói chung và thành phố Đông Hà nói riêng theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị khóa XV (nhiệm kỳ 2010 - 2015), là yêu cầu tất yếu mang tính khách quan, phù hợp với chương trình nâng cấp đô thị của Chính phủ.

Đề án "Xây dựng thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II vào năm 2020" được phê duyệt là cơ sở quan trọng tạo điều kiện cho Đông Hà phát huy mạnh mẽ hơn chức năng đô thị trung tâm của tỉnh và khu vực; tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh, bền vững về kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo an ninh quốc phòng, sắp xếp hợp lý nguồn lao động, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp, phát triển thương mại dịch vụ, mở mang các ngành nghề sản xuất kinh doanh; có điều kiện huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang nâng cấp đô thị theo hướng văn minh hiện đại, trở thành đô thị trung tâm kinh tế động lực của tỉnh, có tầm ảnh hưởng và tác động sâu sắc trong vùng cũng như trong khu vực; thúc đẩy các đô thị lân cận và trong vùng cùng phát triển.

Do đó, việc lập Đề án "Xây dựng thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II vào năm 2020" là hết sức cần thiết và cấp bách.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị; Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị;

Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 02/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH tỉnh Quảng Trị năm đến 2020.

Quyết định số 1166/QĐ-UB ngày 22/06/2006 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc điều chỉnh quy hoạch chung thị xã (nay là thành phố) Đông Hà đến năm 2020;

Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 20/9/2011 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đông Hà đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030 - 2035;

Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐND ngày 12/4/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa V, kỳ họp thứ 9 về quy hoạch xây dựng phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị;

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị khóa XV (nhiệm kỳ 2010 - 2015).

Phần II
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐÔNG HÀ

I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐÔNG HÀ

Để xây dựng kế hoạch định hướng phát triển thành phố trở thành đô thị loại II vào năm 2020, trên cơ sở các tiêu chuẩn đô thị loại II quy định tại Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng, hiện trạng phát triển đô thị Đông Hà được tập trung đánh giá theo các nhóm tiêu chí sau:

1. Chức năng đô thị Đông Hà:

1.1. Vị trí, tính chất đô thị:

- Thành phố Đông Hà là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh Quảng Trị, là địa bàn động lực trong phát triển kinh tế của tỉnh, trong những năm qua, Đông Hà luôn dẫn đầu trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, kinh tế liên tục đạt mức tăng trưởng cao 14 - 15% qua các thời kỳ. Tổng giá trị gia tăng sản xuất (VA-GDP) của thành phố chiếm 44% toàn tỉnh;

- Đông Hà là đô thị nằm trên trục hành lang kinh tế Đông - Tây, có vai trò trong việc mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước láng giềng ở phía Tây khu vực Nam Á;

- Là đầu mối giao thông quan trọng, điểm nối các đô thị miền Trung trên tuyến quốc lộ 1A xuyên Việt, tuyến đường sắt Bắc - Nam và là đầu mối giao thông quan trọng trên tuyến đường xuyên Á nối Việt Nam với Lào, Thái Lan và Myanmar.

1.2. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội:

- Mức tăng trưởng kinh tế bình quân (tính theo GDP) trên địa bàn thành phố thời kỳ 2005 - 2012 đạt 13 - 15 %, riêng năm 2012 đạt 11,62 %.

- Cơ cấu kinh tế trên địa bàn có xu hướng tăng mạnh trong các ngành Dịch vụ (66,6 %), Công nghiệp - Xây dựng (30,5 %), Nông nghiệp (2,9 %)

- Tổng thu ngân sách từ năm 2005 - 2012 đạt 1.509 tỷ đồng và tổng chi ngân sách đạt 1.339 tỷ đồng. Thu ngân sách trên địa bàn thành phố hàng năm đều tăng bình quân trên 14,5%. Năm 2012, thu ngân sách đạt 176,945 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn giai đoạn 2005 - 2012 là 5.027 tỷ đồng. Trong đó: Ngân sách Trung ương và tỉnh là 1.308 tỷ đồng chiếm tỉ trọng 26%; ngân sách của thành phố là 501 tỷ đồng chiếm tỉ trọng 10%; vốn đầu tư của doanh nghiệp là 1.627 tỷ đồng chiếm tỉ trọng 33%; vốn đầu tư của nhân dân 1.414 chiếm tỉ trọng 28% và nguồn vốn khác là 177 tỷ đồng chiếm tỉ trọng 3%.

- Mức sống của nhân dân thành phố ngày càng được nâng cao. Giá trị bình quân thu nhập đầu người (GDP) năm 2012 đạt 2.550 USD.

- Tỷ lệ hộ nghèo năm 2012 giảm còn 6,3% theo tiêu chí mới.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm 1,35%.

2. Quy mô dân số:

Dân số toàn thành phố đến 31/12/2012:	96.342 người
Trong đó: - Dân số thường trú có:	86.333 người
- Dân số tạm trú quy đổi có:	10.009 người

3. Mật độ dân số đô thị:

Mật độ dân số toàn đô thị: 5.967 người/km^2.

4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Đến thời điểm 31/12/2012 lao động độ tuổi là 53.719 người, lao động đang làm việc trong ngành kinh tế quốc dân là 42.662 người.

- Lao động phi nông nghiệp của đô thị: 36.433 người

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị: 85,4%

5. Hệ thống công trình hạ tầng đô thị:

5.1. Hệ thống công trình hạ tầng xã hội:

a. Cơ sở y tế:

Trên địa bàn thành phố Đông Hà hiện có: 01 bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị quy mô 300 giường bệnh; 01 bệnh viện đa khoa thành phố có 45 giường bệnh; 08 Trung tâm Y tế 09 phòng khám đa khoa; 09 trạm Y tế phường có 48 giường bệnh và hiện nay đang xây dựng thêm 01 bệnh viện đa khoa tỉnh với quy mô 500 giường bệnh và 01 bệnh viện chuyên khoa Lao với quy mô 100 giường bệnh. Bệnh xá công an, 968, tỉnh đội, biên phòng và các phòng khám, điều trị Đông y ...

b. Cơ sở giáo dục đào tạo:

Các cơ sở giáo dục đào tạo (đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề) trên địa bàn hiện có: 01 Phân viện Đại học Huế, 01 trường Cao đẳng sư phạm, 01 trường Chính trị, 01 trường Trung học Y tế, 01 trường Trung cấp dạy nghề tổng hợp, 01 trường Trung cấp dạy nghề GTVT, 01 trường Trung cấp Mai Lĩnh, Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh.

c. Trung tâm Văn hoá thông tin:

Các trung tâm văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, nhà văn hóa) bao gồm: 01 nhà văn hoá trung tâm tỉnh, 01 nhà văn hoá thiếu nhi tỉnh, 01 nhà bảo tàng tỉnh, 01 rạp chiếu phim.

d. Trung tâm thể dục thể thao:

Các công trình thể dục thể thao gồm: 01 sân vận động trung tâm tỉnh, 01 nhà thi đấu tỉnh, 01 trung tâm thể dục thể thao thành phố, 01 khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh.

e. Trung tâm thương mại, dịch vụ:

Trên địa bàn thành phố hiện có các trung tâm thương mại dịch vụ quy mô vừa và lớn như: Chợ Đông Hà, chợ phường 5 (đường Hàm Nghi), chợ khu phố 2 phường 5 (đường Lê Lợi), chợ phường 3, chợ 1/5, chợ Trung Chỉ; siêu thị COPMART, siêu thị Quảng Hà, siêu thị SEPON và một số siêu thị điện máy điện lạnh khác; hệ thống khách sạn, ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông tương đối phát triển.

5.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

a. Các chỉ tiêu về nhà ở:

Theo số liệu thống kê về nhà ở của Sở Xây dựng và Chi cục Thống kê thành phố Đông Hà, đến nay toàn thành phố có 20.826 ngôi nhà các loại, trong đó:

- Loại nhà kiên cố: 12483 chiếm 59,9 % tổng quỹ nhà ở.
- Loại bán kiên cố: 8105 nhà, chiếm 38,9 % tổng quỹ nhà ở.
- Loại nhà tạm: 236 nhà, chiếm 1,2 % tổng quỹ nhà ở.

Ước tính bình quân mỗi ngôi nhà có diện tích xây dựng là 90 m^2; tổng diện tích xây dựng 1.874.340,0 m^2, bình quân đầu người là 19,5 m^2/người.

b. Các chỉ tiêu về đất công cộng:

Đất xây dựng đô thị 2.272 ha, trong đó:

- Đất dân dụng là 1.300 ha, đạt bình quân 134m^2/người

- Đất đơn vị ở là 916 ha, bình quân 94,9 m^2/người, đạt tỷ lệ 40,3%

- Đất xây dựng công cộng 76 ha, bình quân 7,9 m^2/người, đạt tỷ lệ 3,3%.

c. Hệ thống giao thông:

- Nằm ở vị trí trung độ của Bắc Trung Bộ và cả nước trên tuyến Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc Nam; nằm trên trục hành lang kinh tế Đông - Tây, có cảng Đông Hà. Do vậy, Đông Hà là nơi có vị trí thuận tiện để giao lưu với các tỉnh, thành phố trong vùng Bắc Trung Bộ và cả nước; là đầu mối giao thông liên vùng, trung tâm phát luồng hàng hoá cho khu vực.

- Đất giao thông nội thành hiện chiếm khoảng 200 ha, đạt bình quân 20 m^2/người, tương đương tỷ lệ 8,8%.

- Tổng diện tích đất giành cho xây dựng giao thông đô thị là 389 ha, chiếm 17,2 % so với diện tích đất xây dựng đô thị. Tổng lưới đường giao thông đô thị hiện có 355 km đường bộ, trong đó Quốc lộ 20,5 km, tỉnh lộ 53,6 km, thành phố quản lý 288,9 km (140 km kết cấu mặt đường bê tông nhựa, láng nhựa và 122 km đường bê tông; trục đường chính 90 km, đường nhánh 115 km, còn lại là đường khu vực) và 7 km đường sắt, 15 km đường thuỷ.

d. Hệ thống cấp nước:

- Tổng công suất cấp nước cho thành phố Đông Hà là 30.000 m^3/ngày đêm gồm 02 nguồn nước: Nước mặt sông Vĩnh Phước với công suất 15.000 m^3/ngày đêm và nguồn nước ngầm từ Gio Linh chuyển về công suất 15.000 m^3/ngày đêm.

- Chỉ tiêu cấp nước hiện đạt 120 lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước sạch 85%. Tỷ lệ thất thoát nước ước tính 20%.

e. Hệ thống thoát nước:

Thành phố hiện sử dụng hệ thống thoát nước chung, chưa có nhà máy xử lý nước thải, tổng chiều dài các tuyến cống thoát nước là 75 km, với các loại cống bê tông cốt thép với cống hộp kích thước từ 1x1 m - 2x2 m , cống tròn có đường kính 0,6 - 1,4 m.

f. Hệ thống cấp điện và chiếu sáng đô thị:

- Thành phố Đông Hà hiện dùng điện lưới quốc gia để cấp điện cho thành phố thông qua trạm giảm áp chính khu vực Đông Hà 110/35/10KV-16MVA và 110/22/10KV- 25MVA. Mức tiêu thu điện sinh hoạt bình quân đạt 800 W/hộ/ngày đêm.

- Điện chiếu sáng đô thị đã xây dựng được 35 tuyến đường phố chiếu sáng chính (65%) và nhiều tuyến khu dân cư (25%) với tổng chiều dài 57 km, đạt

bình quân 45% so với tổng đường phố chính được chiếu sáng với 1.881 bộ đèn chiếu sáng các loại.

g. Hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông:

Mạng viễn thông đã được phủ sóng trên toàn địa bàn. Hiện có 13742 số máy thuê bao cố định, 76.396 thuê bao di động trả sau và 9383 thuê bao Internet. Bình quân 93 máy các loại/100 dân.

h. Cây xanh, vệ sinh môi trường:

- Đất cây xanh đô thị hiện chiếm khoảng 108 ha, đạt bình quân 11,2m^2/người, đạt tỷ lệ 4,7%, trong đó đất cây xanh công cộng nội thị chiếm 29 ha đạt bình quân 3 m^2/người đạt tỷ lệ 1,2%.

- Khối lượng rác thu gom: Khoảng 45 tấn/ngày. Tổng số có 14.816 hộ/17.689 hộ các phường nội thành được thu gom rác đạt 83,7%; 350 cơ sở dịch vụ thương mại và công nghiệp, 60 cơ quan đã được tổ chức thu gom rác thải.

i. Nghĩa trang và nhà tang lễ:

Hiện tại trên địa bàn thành phố đã quy hoạch và đầu tư hạ tầng 02 nghĩa trang nhân dân: Nghĩa trang phường 4 có quy mô 14 ha và nghĩa trang phường Đông Lương có quy mô 40 ha và tiếp tục quy hoạch mở rộng 44 ha (thành nghĩa trang nhân dân thành phố); thành phố hiện chưa có nhà tang lễ phục vụ khu vực nội thị.

6. Kiến trúc cảnh quan đô thị:

6.1. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị

Thành phố đang tổ chức thực hiện quản lý đô thị theo quy hoạch được phê duyệt và đang triển khai xây dựng, hoàn thiện quy chế quản lý kiến trúc đô thị trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

6.2. Hiện trạng xây dựng các khu đô thị mới:

Trên địa bàn thành phố hiện có 02 khu đô thị mới xây dựng đã hoàn thành gồm: Khu đô thị phường 5, Đông Lễ, Đông Lương; khu đô thị nam Đông Hà giai đoạn I,

Hiện đang tiếp tục triển khai đầu tư: khu đô thị nam Đông Hà giai đoạn II, III; khu đô thị Khóa Bảo, Thành cổ; khu đô thị Đông Trần Bình Trọng và đang kêu gọi đầu tư xây dựng các khu đô thị Bắc Sông Hiếu; Bắc Nguyễn Huệ.

6.3. Công tác xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị:

Thành phố đã triển khai thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Đẩy mạnh việc đăng ký phong trào thực hiện cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh đô thị theo hình thức tự nguyện, tự quản như "Toàn dân tham gia thực hiện nếp sống văn minh đô thị", "Tuyến phố xanh, sạch, đẹp".

6.4. Công tác xây dựng không gian công cộng của đô thị:

Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt thành phố đã quan tâm đến việc quản lý và xây dựng các không gian công cộng như: Công viên Lê Duẩn, Công viên mi ni phía Bắc thành phố; công viên mi ni ngã 5 Bưu điện; các điểm cây xanh, các khoảng không gian sinh hoạt công cộng trong khu dân cư.

6.5. Công tác xây dựng các công trình kiến trúc, công trình lịch sử văn hóa, di sản, danh thắng tiêu biểu có ý nghĩa quốc gia, quốc tế:

- Thành phố đã chú trọng trong việc đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc tạo điểm nhấn đô thị tại các vị trí trung tâm và có những quy định trong việc quản lý xây dựng tại một số khu vực trung tâm của thành phố.

- Hiện nay, trên địa bàn thành phố có 21 di tích lịch sử, trong đó có 02 di tích được công nhận cấp quốc gia là: Đình làng Nghĩa An và hệ thống các giếng Chăm (làng Nghĩa An, phường Đông Thanh), Cảng Quân sự Đông Hà (phường 2); còn lại 19 di tích đã được công nhận cấp tỉnh. Công tác trùng tu tôn tạo được chú trọng, đầu tư trùng tu tôn tạo và phát huy các giá trị di tích điển hình như: Xây dựng điểm trưng bày chiến tích chiến tranh tại di tích lịch sử nhà ga-Lô cốt Đông Hà giai đoạn 1; di tích Đình Làng Lập Thạch; Đình làng Trung Chỉ; Đình Làng Nghĩa An; di tích lịch sử nơi thành lập Chi bộ xã Cam Tường địa điểm nhà ông Hồ Sỹ Khâm; di tích lịch sử họ Hoàng Đức phường Đông Giang.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG HIỆN TRẠNG ĐÔ THỊ ĐÔNG HÀ

1. Đánh giá chung những kết quả và hạn chế:

Từ khi được công nhận là đô thị loại III, nhất là là khi được Chính phủ ra Nghị quyết thành lập thành phố đến nay, được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương và của tỉnh cùng với sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân thành phố đã khắc phục khó khăn, khai thác tiềm năng lợi thế phát huy nội lực, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tình hình kinh tế - xã hội thành phố Đông Hà đã đạt được những kết quả tương đối toàn diện trên các lĩnh vực: Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ và công nghiệp - xây dựng; sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện cả về trồng trọt và chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá; sự nghiệp giáo dục được chú trọng; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm; văn hóa và thể dục thể thao được duy trì và phát triển, các chính sách xã hội được quan tâm đúng mức, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân thành phố không ngừng được nâng lên; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; bộ mặt đô thị của thành phố có nhiều khởi sắc, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị và vùng Bắc Trung Bộ.

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội được phê duyệt, thành phố đã tập trung ưu tiên đầu tư phát triển và thực hiện tốt các quy định về quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch, hệ thống kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, nhất là hệ thống giao thông, điện, cấp thoát nước,

vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị, nhiều công trình xây dựng với kiến trúc mới được hình thành.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển đô thị còn có nhiều hạn chế, tồn tại đó là:

- Sự phát triển kinh tế của thành phố chưa tương xứng với tiềm năng và vị trí vai trò của một trung tâm tỉnh lỵ. Tiềm lực kinh tế còn yếu, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao nhưng thiếu ổn định, sức cạnh tranh thấp, chưa toàn diện; chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa mạnh; thương mại dịch vụ chưa khai thác được tiềm năng, thế mạnh trên hành lang kinh tế Đông - Tây; phát triển công nghiệp chưa có những bứt phá, công nghệ ở mức trung bình chưa phát huy được vai trò ngành kinh tế động lực; thu hút đầu tư còn nhiều hạn chế; dịch vụ du lịch, thương mại còn chậm phát triển; chưa có những doanh nghiệp mạnh cùng song hành với chính quyền địa phương trong việc đảm nhận các công trình dự án lớn về đầu tư sản xuất kinh doanh và xây dựng phát triển đô thị.

- Công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch, đầu tư, đất đai, tài nguyên và môi trường, quản lý đô thị, còn thiếu sót và bất cập so với yêu cầu phát triển; công tác quy hoạch chưa được quan tâm đúng mức, quy hoạch chung xây dựng thiếu tính ổn định lâu dài, chất lượng các đồ án quy hoạch chưa cao, manh mún, tầm nhìn còn hạn chế thiếu tính chiến lược nên chưa thực sự là căn cứ cho định hướng phát triển; quy hoạch chung thành phố Đông Hà đã được lập (vào năm 1990) và qua hai lần điều chỉnh (năm 1997 và năm 2006), mặc dù đã có nhiều quan tâm, nhưng do nguồn kinh phí đầu tư cho công tác quy hoạch xây dựng và thực hiện quy hoạch còn hạn chế, nên việc thiết kế quy hoạch thường thiếu hoàn chỉnh và chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Những biến động trong quá trình phát triển do nhu cầu đầu tư và chỉnh trang đô thị ngày càng tăng dẫn đến việc phải điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp, đây cũng là nguyên nhân làm cho các dự án đầu tư triển khai trên địa bàn thành phố gặp nhiều khó khăn, bất cập trong công tác quản lý, thực hiện quy hoạch và làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Không gian phát triển đô thị chưa tương xứng với vai trò là đô thị tỉnh lỵ, số lượng đơn vị hành chính trên địa bàn thành phố còn ít. Quản lý quy hoạch đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị chưa có sự phân cấp quản lý rõ ràng còn chồng chéo giữa quản lý lãnh thổ và quản lý ngành.

- Cơ sở hạ tầng đô thị chưa đáp ứng được tốc độ phát triển đô thị (đây là một trong những tiêu chí quan trọng nhất mà thành phố chưa đạt được trong hệ thống tiêu chí đánh giá đô thị loại II): Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị nhìn chung còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là giao thông, thoát nước, vỉa hè, điện chiếu sáng, cây xanh; các khu đô thị, khu dân cư phát triển manh mún, chậm được đầu tư, cơ sở hạ tầng còn thiếu đồng bộ; hiệu quả sử dụng đất chưa cao; tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị chưa được khắc phục triệt để; nhiều phường thiếu quỹ đất dành cho xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các khu dân cư; Công tác quản lý đô thị, quản lý xã hội còn hạn chế, nếp

sống văn minh đô thị chuyển biến chưa rõ nét; nhiều vấn đề bức xúc về văn hoá, xã hội, vệ sinh môi trường, trật tự đô thị, tai tệ nạn xã hội...chưa được giải quyết tốt. Chưa tạo ra được môi trường hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư. Hệ thống các công trình hạ tầng tầng xã hội, các công trình phúc lợi xã hội còn thiếu chưa đáp ứng được nhu cầu của một đô thị phát triển.

- Nguồn lực đầu tư cho thành phố còn hạn chế, thiếu tập trung; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, chưa có các cơ sở đào tạo lớn để hình thành lực lượng lao động chất lượng cao có trình độ về khoa học kỹ thuật và quản lý, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong tình hình mới.

- Chưa có cơ chế chính sách ưu đãi về tài chính, đầu tư đối với thành phố, kế hoạch bố trí ngân sách hàng năm của tỉnh, thành phố Đông Hà vẫn xem như là huyện nên mâu thuẫn giữa yêu cầu về vị trí, vai trò và khả năng phát triển.

2. So sánh với các tiêu chí đô thị loại II

Đến thời điểm 31/12/2012, hiện trạng phát triển đô thị thành phố Đông Hà so sánh với các chỉ tiêu đô thị loại II theo Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số nội dung của nghị định 42/2009NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị thì có 23/49 tiêu chí đạt và 26/49 tiêu chí chưa đạt, đáng chú ý là các tiêu chí quan trọng như về tính chất đô thị, hệ thống công trình hạ tầng đô thị; kiến trúc cảnh quan; tổng thu ngân sách trên địa bàn; quy mô dân số toàn đô thị,... cần phải có kế hoạch, giải pháp và lộ trình tập trung phấn đấu để xây dựng phát triển đô thị thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II vào năm 2020 *(Nội dung chi tiết tại phụ lục 1)*.

Phần III

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐẾN NĂM 2020

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm:

Phát triển thành phố Đông Hà có vai trò quan trọng trong sự phát triển chung của tỉnh, vì vậy cần tập trung khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh, kết hợp huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, tương xứng với vị thế của trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật của tỉnh. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng kinh tế đô thị, phát triển thương mại dịch vụ giữ vai trò chủ đạo; phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp sạch, hàm lượng kỹ thuật cao; phát triển nền nông nghiệp ven đô hiện đại. Đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, tăng cường hoàn thiện kết cấu hạ tầng, xứng tầm với một thành phố phát triển, có quy mô cấp vùng. Bố trí không gian, cảnh quan

kiến trúc Đông Hà theo mô hình "thành phố bên sông nước", "đô thị nhà vườn" lấy trục sông Hiếu làm trung tâm để phát triển đô thị. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội, nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân; Phát triển đô thị gắn với bảo vệ môi trường, giữ vững cân bằng sinh thái đảm bảo phát triển bền vững.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung:

- Phát triển kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao, chuyển biến mạnh về chất lượng tăng trưởng gắn với phát triển bền vững. Chuyển dịch cơ cấu theo hướng kinh tế đô thị, thương mại, dịch vụ giữ vai trò chủ đạo, công nghiệp giữ vai trò động lực, có nền nông nghiệp ven đô hiện đại. Xây dựng Đông Hà xứng đáng là địa bàn kinh tế động lực của tỉnh; một trung tâm thương mại của khu vực trên tuyến Hành lang kinh tế Đông -Tây.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị thành phố Đông Hà theo hướng hiện đại, có hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, bền vững, thân thiện với môi trường; quy hoạch và xây dựng thành phố có dấu ấn riêng, với định hướng phát triển không gian thành phố Đông Hà theo 4 hướng, lấy sông Hiếu làm trục trung tâm. Xây dựng thành phố Đông Hà đạt tiêu chuẩn đô thị loại II vào năm 2020, trở thành đô thị phát triển trong dải đô thị ven biển miền Trung; một cực phát triển trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây.

- Xây dựng một xã hội phát triển, giải quyết cơ bản các vấn đề xã hội như việc làm, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; thực hiện công bằng, dân chủ, tạo sự đồng thuận trong xã hội, thu hút cộng đồng tích cực tham gia vào quản lý kinh tế - xã hội - môi trường.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Để xây dựng phát triển đô thị thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II vào năm 2020, thành phố tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng 23 tiêu chí đã đạt được, ưu tiên tập trung thực hiện 26 tiêu chí chưa đạt, nhất là các tiêu chí quan trọng, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại II theo Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng, cụ thể:

a. Công tác quy hoạch:

Triển khai thực hiện Đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố Đông Hà giai đoạn 2010 - 2030, tầm nhìn đến 2050 theo hướng có chất lượng do tư vấn quốc tế thực hiện; hoàn thành quy hoạch phân khu 9 phường; quy hoạch chi tiết; thực hiện bổ sung, điều chỉnh xây dựng quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội giai đoạn 2015 - 2020 phù hợp điều kiện phát triển.

b. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của thành phố phấn đấu đến năm 2020:

- Mức tăng trưởng kinh tế bình quân (tính theo GDP) trên địa bàn thành phố thời kỳ 2010 - 2015 đạt 11,5% và giai đoạn 2016-2020 đạt 11 %.

(Theo Nghị quyết mức tăng trưởng kinh tế bình quân (tính theo GDP) trên địa bàn thành phố thời kỳ 2010 - 2015 đạt 15% và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 16,5%.)

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa phấn đấu đến năm 2015 cơ cấu kinh tế các ngành Dịch vụ (57%), Công nghiệp - Xây dựng (41,1%), Nông - Lâm nghiệp - Thuỷ sản (1,2%); đến năm 2020 cơ cấu tương ứng là 54,1%, 44,7% và 1,2%.

- Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm tăng bình quân trên 15%.

- Mức sống của nhân dân thành phố ngày càng được nâng cao. Giá trị bình quân thu nhập đầu người (GDP) năm 2015 đạt trên 3.700 USD và đến năm 2020 đạt trên 5.000 USD

- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2015 giảm còn 3% theo tiêu chí mới và đến năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo.

- Tỷ lệ tăng dân số đến năm 2015 là 1,1% và ổn định dưới 1% đến năm 2020.

c. Quy mô dân số toàn đô thị: Tổng dân số của thành phố Đông Hà đến năm 2020 là 150.000 người (Trong đó: Dân số thường trú 135.000 người và dân số tạm trú quy đổi: 15.000 người).

d. Mật độ dân số đô thị: Đến năm 2020 mật độ dân số khu vực nội thành là 9.291 người/km2.

e. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Lao động trong độ tuổi là 83.700 người (trong đó: Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là: 60.700 người; lao động phi nông nghiệp của đô thị đang làm việc trong ngành kinh tế quốc dân là: 54.900 người); Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành là: 90%.

f. Hệ thống công trình hạ tầng xã hội

- Cơ cở Y tế: Duy trì ổn định tỷ lệ 04 giường bệnh/1.000 dân (theo tiêu chí đô thị loại II) ở thời điểm hiện tại và từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

- Cơ sở giáo dục đào tạo: Phấn đấu đến trước năm 2020 trên địa bàn thành phố có 10 cở sở giáo dục đào tạo (đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề) cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II.

- Trung tâm văn hóa thông tin: Phấn đấu đến năm 2018 trên địa bàn thành phố có tối thiểu 06 trung tâm văn hóa có quy mô hiện đại (nhà hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, nhà văn hóa) cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II.

- Trung tâm thể dục thể thao: Đến năm 2018 trên địa bàn thành phố có 05 trung tâm TDTT (sân vận động, nhà thi đấu, câu lạc bộ) cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II.

- Trung tâm thương mại, dịch vụ: phấn đấu đến năm 2018 có từ 06 - 10 trung tâm thương mại dịch vụ đạt được tiêu chí đô thị loại II.

g. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật

- Phát triển nhà ở: Phát triển các khu đô thị mới hiện đại đan xen các khu dân cũ nằm giữa khu đô thị trung tâm. Các khu dân cư của thành phố hiện tại được tổ chức thành 09 khu trên cơ sở 09 phường và mở rộng không gian đô thị theo hướng ổn định, phát triển là cải tạo và xây mới; phấn đấu đến năm 2018 không còn nhà tạm, nhà nguy hiểm trên địa bàn.

- Quy hoạch đất công cộng: Bổ sung quy hoạch đất xây dựng công trình công cộng tại một số khu nhà ở để đảm bảo chỉ tiêu 1,5 m^2/ người.

- Phát triển giao thông vận tải: Phấn đấu đến năm 2018, 100% tuyến đường trục chính được nhựa hóa và có hệ thống điện chiếu sáng; đầu tư một số tuyến đường trong khu vực nội thành đảm bảo tỉ lệ đất giao thông và mật độ đường giao thông nội thị, xây dựng và nâng cấp các bến xe ô tô, đầu tư xây dựng mới một số bãi đỗ xe tĩnh; phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thị đạt 15%; triển khai các bến xe buýt nội thành và một số tuyến đi các địa phương lân cận. Nâng cấp ga Đông Hà theo hướng hiện đại, đạt tiêu chuẩn ga cấp 2, trở thành ga đầu mối nối với các nước trong khu vực. Nâng cấp, nạo vét luồng lạch tuyến đường sông Đông Hà - Cửa Việt; kè hai bờ sông và sửa chữa nâng cấp Cảng Đông Hà, phấn đấu đến năm 2020 đảm bảo hàng hóa thông qua cảng khoảng 50.000 tấn/năm.

- Hệ thống cấp nước: Đến năm 2015, 100% dân cư được sử dụng nước sạch; duy trì chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt dân cư nội thành đến năm 2015 đạt 120 lít/người/ngày.đêm; đến năm 2020 đạt 150 lít, cho khoảng 150.000 dân.

- Hệ thống thoát nước: Phấn đấu đến năm 2018 mật độ cống thoát nước chính khu vực nội thị là 4 km/km^2 đạt được tiêu chí của đô thị loại II; nước thải công nghiệp và nước thải y tế tại các bệnh viện được thu gom xử lý riêng, đạt tiêu chuẩn trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng: Nâng công suất, đầu tư mới trạm biến áp để đáp ứng nhu cầu của 150.000 dân và 1500 cơ sở sản xuất đến năm 2015; phấn đấu đến năm 2018 tỷ lệ đường phố chính khu vực nội thị được chiếu sáng 95%; tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng 55% đạt được các tiêu chí của đô thị loại II.

- Hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông: Duy trì số lượng thuê bao điện thoại, phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ internet; duy trì tỷ lệ 93 máy điện thoại các loại/100 dân và 80% số hộ gia đình truy cập dịch vụ internet.

- Cây xanh, vệ sinh môi trường: Phấn đấu đến năm 2018 đất cây xanh công cộng đô thị đạt 5 m^2/người đạt tiêu chí đô thị loại II; thu gom rác thải đạt 95%; xây dựng nhà máy xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường; đến năm 2020 xây dựng 1 - 2 nhà tang lễ ở trong khu vực nội thành.

h. Kiến trúc cảnh quan đô thị

- Ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố Đông Hà và tổ chức quản lý đô thị theo Quy chế, thực hiện việc thiết kế đô thị trên các tuyến

đường chính. Xây dựng một số quy định chi tiết về phân cấp, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị nhằm tăng hiệu lực quản lý nhà nước cho chính quyền đô thị.

- Tiếp tục đầu tư các khu đô thị mới bảo đảm đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, đến năm 2018 phấn đấu hoàn thiện 04 khu đô thị mới; xây dựng kế hoạch chỉnh trang các khu đô thị cũ, đầu tư nâng cấp các tuyến đường theo quy hoạch, phấn đấu đến năm 2018 cải tạo chỉnh trang đô thị 02 (khu).

- Phấn đấu đến năm 2018 tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/tổng số đường chính khu vực nội thị đạt 20% đạt tiêu chí đô thị loại II.

- Xây dựng không gian công cộng của đô thị: Phấn đấu đến năm 2018 xây dựng hoàn chỉnh một số công viên, lâm viên, để đạt tiêu chí về không gian đô thị.

- Xây dựng các công trình kiến trúc, công trình lịch sử văn hóa, di sản, danh thắng tiêu biểu có ý nghĩa quốc gia, quốc tế: Chú trọng đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc tạo điểm nhấn đô thị tại các vị trí trung tâm; ưu tiên cho những dự án công trình xây dựng có quy mô lớn và [illegible] kiến trúc đ[illegible]. Tăng cường công tác quản lý, tôn tạo các công trình di tích [illegible]h sử, văn h[illegible] trong thành phố.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Để hoàn thành các mục tiêu nêu trên, phấn đ[illegible] xây dựng [illegible]nh phố Đông Hà đạt đô thị loại II vào năm 2020, cần tập trung đ[illegible] hiện m[illegible] nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

1. Về phát triển kinh tế - xã hội:

1.1. Lĩnh vực kinh tế:

a. Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch:

- Đẩy mạnh phát triển thương mại dịch vụ tiếp tục giữ vững vai trò ngành kinh tế chủ đạo; phát huy lợi thế trục hành lang kinh tế Đông - Tây, tăng cường xúc tiến thương mại, tổ chức các cuộc hội thảo, tiếp xúc với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn, thương hiệu mạnh để giới thiệu, quảng bá tiềm năng, cơ hội, thu hút đầu tư vào thành phố; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng; kêu gọi các thành phần kinh tế liên kết hợp tác đầu tư phát triển kinh doanh các loại hình dịch vụ có lợi thế.

- Đẩy mạnh xây dựng và phát triển các chợ, siêu thị theo Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; thu hút các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại dịch vụ quan trọng như Trung tâm hội chợ triển lãm; quy hoạch bố trí quỹ đất tại các khu vực trung tâm nội thị, các khu đô thị mới, vùng ven đô, đảm bảo điều kiện phát triển thương mại dịch vụ; huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo ra các khu du lịch, nghỉ dưỡng, trung tâm vui chơi giải trí chất lượng.

b. Phát triển công nghiệp - TTCN:

- Lập danh mục các dự án ưu đãi đầu tư, ban hành các chính sách thông thoáng, hỗ trợ trong công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng thiết yếu, cải cách thủ tục hành chính, tuyển dụng lao động nhằm tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư. Tăng cường đào tạo nguồn lao động công nghiệp bằng nhiều hình thức, có chính sách hỗ trợ thích đáng để khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới thiết bị và công nghệ nâng cao năng suất chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm; ưu tiên phát triển công nghiệp sạch.

- Khai thác hiệu quả khu Công nghiệp Nam Đông Hà; Rà soát mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động các cụm công nghiệp, tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng các Cụm công nghiệp trên địa bàn để thu hút đầu tư, tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động.

c. Phát triển nông nghiệp:

- Xây dựng nền nông nghiệp đô thị theo hướng bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; xây dựng cánh đồng mẫu công nghệ cao.

- Quy hoạch và ổn định các vùng sản xuất chuyên canh, tăng cường cơ giới hóa, áp dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chuyển dịch cơ cấu lao động.

1.2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội:

a. Giáo dục - đào tạo:

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học, nâng cao tỷ lệ các trường đạt chuẩn quốc gia ở tất cả các bậc học; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ, mở rộng quy mô, đa dạng hóa ngành nghề đào tạo để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

- Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các trường đại học, các viện nghiên cứu mở các phân hiệu, phân viện tại Đông Hà. Thực hiện tốt các chính sách xã hội hóa giáo dục, kêu gọi đầu tư xây dựng các trường, các trung tâm đào tạo nghề nhằm đảm bảo việc đào tạo nghề cho lao động nhất là lao động nông nghiệp; phát huy chức năng trung tâm đào tạo cấp vùng, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

b. Y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng

Tiếp tục đầu tư nâng cấp các bệnh viện, trung tâm y tế, khuyến khích xã hội hóa đầu tư các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố; tăng cường trang thiết bị y tế hiện đại cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh, thành phố. Đầu tư các trang thiết bị cần thiết và từng bước hiện đại hóa các trạm y tế phường đạt chuẩn y tế quốc gia. Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và y đức cho đội ngũ y bác sỹ, nhân viên y tế. Xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho ngành y tế.

c. Văn hoá thông tin và thể thao:

- Hoàn thiện hệ thống các công trình văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu về đời sống tinh thần của nhân dân; từng bước nâng cấp, xây dựng mới các công trình văn hóa có chất lượng cao, hiện đại, làm điểm nhấn với chức năng tổng hợp, gắn liền với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Xây dựng kế hoạch theo thứ tự ưu tiên để huy động các nguồn lực đầu tư các công trình văn hoá, phúc lợi công cộng, thiết chế văn hoá - thể thao. Quản lý tốt các di tích lịch sử, khoanh vùng bảo vệ gắn với trung tu tôn tạo các di tích; khôi phục và phát huy các giá trị văn hoá của địa phương.

- Thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"; tuyên truyền vận động, kêu gọi toàn dân tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Đầu tư phát triển thể thao thành tích cao, khuyến khích xã hội hóa các công trình thể dục thể thao; cải tạo và nâng cấp các trung tâm thể dục thể thao hiện có, hoàn thành xây dựng mới trung tâm thể dục thể thao theo quy hoạch đã được phê duyệt; Khuyến khích đầu tư của các thành phần kinh tế về hoạt động kinh doanh dịch vụ thể thao trên địa bàn.

d. An sinh xã hội:

Huy động có hiệu quả nguồn lực để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực xã hội, lồng ghép thực hiện mục tiêu giảm nghèo, nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân; quan tâm chăm lo giải quyết việc làm và các vấn đề bức xúc về xã hội, tháo gỡ khó khăn thúc đẩy đầu tư phát triển sản xuất để tạo thêm nhiều việc làm mới, thu hút lao động; quan tâm giải quyết kịp thời các chế độ ưu đãi đối với đối tượng chính sách, người có công.

2. Đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng đô thị:

Đây là một trong những tiêu chuẩn được xem là quan trọng với nhiều tiêu chí cần phải đạt được, tuy nhiên qua đánh giá hiện trạng hệ thống công trình hạ tầng đô thị của thành phố còn nhiều hạn chế và một số tiêu chí đạt được rất thấp, do vậy cần tập trung đẩy nhanh tiến độ đô thị hoá và đầu tư cho các dự án cơ sở hạ tầng.

2.1. Hệ thống công trình hạ tầng xã hội:

Tập trung đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xã hội trọng điểm, đóng góp xứng đáng vào tổ chức không gian cũng như hoạt động đô thị như: trường Cao đẳng sư phạm để nâng cấp thành trường Đại học; trường Công nhân kỹ thuật GTVT, trường Dạy nghề tổng hợp, trường Trung cấp y tế thành trường Cao đẳng y tế; trường Chính trị Lê Duẩn hiện có và xây dựng mới trường tại khu đô thị phía Đông đường Trần Bình Trọng; khuyến khích xây dựng phát triển, hiện đại hóa Phân viện Đại học Huế và mở thêm một số trường đào tạo mới. Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thành bệnh viện đa khoa 500 giường và Bệnh viện Lao; chuyển Bệnh viện tỉnh Quảng Trị (tại đường Lê Lợi) thành Bệnh viện Đông Hà và Bệnh viện Đông Hà thành Bệnh viện Y học cổ truyền. Đầu tư

xây dựng Nhà văn hóa Trung tâm thành phố, khu liên hợp thể dục thể thao thành phố và các thiết chế văn hóa theo quy hoạch.

2.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

a. Đầu tư công trình thương mại dịch vụ:

Xây dựng các khu chợ đầu mối, dịch vụ có quy mô tại phường 4, Đông Lễ; xây dựng và nâng cấp chợ Đông Hà, chợ phường 5 (đường Hàm Nghi), chợ khu phố 2, phường 5 (đường Lê Lợi), chợ phường 3; thu hút đầu tư các trung tâm thương mại, dịch vụ ở đường Hùng Vương và điểm bến xe cũ để cùng với chợ Đông Hà, siêu thị COPMART; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án khách sạn Viettel, các dự án dịch vụ kho tàng bến bãi dọc hai bên trục Quốc lộ 9D; phát triển các cụm điểm dịch vụ dọc bờ kè sông Thạch Hãn, đôi bờ sông Hiếu; các trung tâm thương mại ở các khu đô thị mới tạo thành hệ thống các trung tâm thương mại theo hướng văn minh, hiện đại.

b. Đầu tư xây dựng các khu, cụm công nghiệp:

Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các khu, cụm công nghiệp, hệ thống kho tàng, phát triển theo hướng tập trung: Hoàn thiện hạ tầng, lấp đầy 100% diện tích khu công nghiệp Nam Đông Hà (100 ha), trước năm 2014; xây dựng và hoàn thành hạ tầng, thu hút đầu tư, lấp đầy diện tích 70% diện tích cụm công nghiệp đường 9D (40 ha) trong giai đoạn 2014 - 2016.

c. Đầu tư xây dựng chỉnh trang các khu đô thị, khu dân cư:

- Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng các khu đô thị như: Khu đô thị nam Đông Hà giai đoạn II, III; Khu đô thị Khóa Bảo, Thành Cổ trước năm 2015 và kêu gọi đầu tư xây dựng các khu đô thị Bắc sông Hiếu, khu nghỉ dưỡng hồ Khe Mây; hoàn thành đầu tư xây dựng các khu dân cư kết hợp tái định cư: Bắc sông Hiếu, Tây Hùng Vương, phường 3 để phục vụ tốt cho công tác giải phóng mặt bằng; kêu gọi lập dự án đầu tư xây dựng khu đô thị Đông Thành Cổ.

- Tập trung xây dựng cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường giao thông, thoát nước đảm bảo đồng bộ; thực hiện chỉnh trang lại các khu dân cư hiện có; ưu tiên vốn xử lý dứt điểm các nút giao thông "cổ chai" nhằm đảm bảo trật tự an toàn giao thông và mỹ quan đô thị và xây dựng các công trình công cộng nhằm đảm bảo cải thiện môi trường, tạo cảnh quan đô thị.

c. Hệ thống giao thông:

- Hệ thống giao thông đường bộ: tập trung đầu tư có trọng điểm, ưu tiên để thi công các công trình quan trọng của thành phố có ý nghĩa về quy hoạch đô thị như đường Trần Nguyên Hãn, Lê Thánh Tông, Lê Lợi nối dài, Trần Bình Trọng, Nguyễn Trãi nối dài, nâng cấp Quốc lộ 1 (đường Lê Duẩn), Cầu qua sông Hiếu và đường hai đầu cầu; đường nối đường QL1 với cầu Đại Lộc; mở rộng và nâng cấp các trục giao thông chính huyết mạch, các nút giao thông quan trọng tại các cửa ngõ ra vào thành phố; mở rộng QL1A từ cầu Đông Hà đến ngã tư Sòng; tiếp tục tập trung nâng cấp mở rộng các tuyến đường nội thành theo quy hoạch đã được phê duyệt; từng bước xây dựng các tuyến đường vành đai

thành phố: Đường phường 2 - Đông Lễ - Đông Lương, đường Hoàng Diệu, đường Bà Triệu (RETTA-7644), đường cứu nạn cứu hộ phía Tây thành phố; bê tông hoá 100% các tuyến đường trong khu dân cư; đầu tư đồng bộ các tuyến đường chính đầy đủ hệ thống vỉa hè, cống thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh.

- Hệ thống giao thông đường sông: Nạo vét luồng lạch tuyến đường sông Đông Hà - Cửa Việt đảm bảo cho tàu có trọng tải 200 - 350 tấn ra vào thuận lợi; đầu tư cải tạo, nâng cấp cảng Đông Hà công suất lên 50.000 tấn/ năm, cải tạo bến bãi bốc xếp hàng hoá (dự án RETTA-7644).

- Hệ thống giao thông đường sắt: Xây dựng ga Đông Hà hiện đại, đạt tiêu chuẩn ga cấp 2, phục vụ hành khách và trung chuyển hàng hoá.

- Dịch vụ vận tải hành khách công cộng: Nâng cấp Bến xe Đông Hà đạt tiêu chuẩn loại 2; đầu tư xây dựng bến xe phía Nam và phía Bắc thành phố; đầu tư hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên các tuyến Đông Hà - Hồ Xá; Đông Hà - Hải Lăng; Đông Hà - Lao Bảo; Đông Hà - Cửa Việt- Cửa Tùng; Đông Hà - thị xã Quảng Trị và ngược lại.

d. Hệ thống cấp nước:

Đảm bảo vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng nguồn nước mặt Sông Vĩnh Phước; duy trì nguồn cung cấp nước thành phố có công suất 30.000 m^3/ngày đêm, đáp ứng nhu cầu 150.000 dân thành phố và vùng phụ cận. Khi thành phố mở rộng và phát triển, xây dựng thêm nhà máy nước ở Cam Lộ cung cấp cho thành phố Đông Hà 20.000 m^3/ ngày đêm từ 2015 - 2020.

e. Hệ thống thoát nước:

Lập kế hoạch xây dựng kè chắn lòng hồ và xây dựng đường dạo để chống lấn chiếm, đảm bảo cảnh quan đô thị và giải quyết ô nhiễm môi trường, điều hoà khí hậu cho thành phố, nhất là các hồ lớn trên địa bàn thành phố (Hồ Khe Mây, Trung Chi, Khe Sắn, Đại An, Km 6); hoàn thiện việc xây dựng kè sông Hiếu, sông Thạch Hãn và sông Vĩnh Phước; triển khai xây dựng kè Hói Sòng, Đông Giang; Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiện quả dự án "Thoát nước thu gom xử lý nước thải thành phố Đông Hà" tăng mật độ phủ rộng của hệ thống thoát nước; Xây dựng 01 nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt khu vực nội thành tại phường Đông Lễ và một số trạm xử lý nước thải trong thành phố theo quy hoạch.

f. Phát triển các khu cây xanh, công viên đô thị:

- Xây dựng công viên Trung tâm thành phố, Công viên văn hóa thanh niên Trung Chi. Công viên kết hợp dịch vụ hai bên bờ sông Hiếu với diện tích 50 ha từ năm 2015 - 2020. Nâng cấp cải tạo công viên Lê Duẩn, công viên Hùng Vương quy mô hiện đại từ năm 2015 - 2018. Phát triển tôn tạo các khu Lâm viên cây xanh sinh thái khu vực các hồ Trung Chi, Khe Mây, Km 6 thành các vùng nghỉ dưỡng, du lịch, dịch vụ tạo cảnh quan, để phục vụ cho nhân dân thành phố và khách du lịch.

- Duy trì tỷ lệ đất dành cho cây xanh trong đô thị, hoàn thiện quy hoạch cây xanh đô thị, đề án xã hội hóa cây xanh đô thị để đảm bảo tiêu chí đô thị xanh. Có kế hoạch thực hiện các dự án công viên, cây xanh theo quy hoạch chung của thành phố.

g. Thu gom, xử lý chất thải rắn:

Tiếp tục đầu tư trên các lĩnh vực thu gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường và các công trình phúc lợi công cộng; xây dựng khu xử lý chất thải rắn, hiện nay đang sử dụng quy trình chôn lấp rác với bãi có diện tích 16 ha chỉ có khả năng phục vụ đến hết năm 2018, vì vậy cần xây dựng nhà máy xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường và tiết kiệm diện tích đất chôn lấp. Xây dựng lò xử lý chất thải nguy hại công nghiệp và y tế đạt tiêu chuẩn tại khu xử lý rác thải thành phố.

h. Nghĩa trang nhân dân và nhà tang lễ:

Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng nghĩa trang nhân dân thành phố. Phấn đấu xây dựng 1 - 2 nhà tang lễ ở trong khu vực nội thành.

i. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

Nâng công suất trạm biến áp 110kV Đông Hà từ 2x25 MVA lên 2x40 MVA và xây dựng trạm 220 KV công suất 1x125 MVA từ 2014 - 2015 để đáp ứng nhu cầu của 150.000 dân và 1.500 cơ sở sản xuất đến năm 2015; từng bước xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đô thị trên các trục đường chính, các khu công viên, vườn hoa tập trung, khu quảng trường, điểm nhấn kiến trúc, cửa ngõ thành phố; nâng cao hiệu quả công tác xã hội hóa điện chiếu sáng khu dân cư.

3. Huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển đô thị:

Nhu cầu nguồn vốn đầu tư cho thành phố là rất lớn, tuy nhiên từ dự báo tình hình nguồn vốn và thực tế thực hiện qua các năm, giai đoạn 2013 đến 2020 cần thực hiện đồng bộ các giải pháp để phấn đấu thu hút vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn thành phố bình quân hàng năm đạt 1.570 tỷ đồng/năm, cụ thể:

- Đẩy mạnh công tác thu ngân sách, nuôi dưỡng nguồn thu, quản lý chặt chẽ các nguồn thu, phấn đấu tăng thu ngân sách trên địa bàn thành phố bình quân hàng năm đạt 15%; khai thác có hiệu quả quỹ đất để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị; thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án đã được quy hoạch để tạo vốn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, phát triển các khu đô thị; tranh thủ vốn hỗ trợ của Trung ương từ các chương trình mục tiêu quốc gia đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách, tập trung đầu tư vào các dự án trọng điểm, các dự án có khả năng thu hồi vốn nhanh, tránh đầu tư dàn trải, kiên quyết đình chỉ các công trình xét thấy không hiệu quả.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách có xu hướng giảm dần, do đó cần có giải pháp để huy động có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển như:

+ Xây dựng và ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu tư đến năm 2020. Trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác quảng bá giới thiệu, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào thành phố, chú trọng khai thác nguồn vốn ODA;

+ Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh, nhất là cải cách thủ tục đầu tư; tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng để sẵn sàng tiếp nhận các dự án đầu tư; ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư hấp dẫn, minh bạch, phù hợp với các quy định của phápluật;

+ Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, ... để huy động vốn từ thành phần kinh tế đầu tư vào các lĩnh vực này;

+ Mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BT, BTO, PPP, ... tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thị trường vốn; phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư, góp vốn đầu tư bằng tài sản; chú trọng thu hút nguồn vốn FDI để đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh.

4. Đẩy mạnh công tác quy hoạch và phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị:

4.1. Công tác quy hoạch:

Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đông Hà đã qua 03 lần điều chỉnh, tuy nhiên còn rất nhiều điểm hạn chế bất cập, quy hoạch manh mún, chưa có tầm nhìn dài hạn, ảnh hưởng đến quá trình phát triển của đô thị, để bảo đảm phát triển thành phố hài hoà, bền vững và đi đúng hướng thì công tác quy hoạch là một trong những nhiệm vụ cơ bản hàng đầu.

- Trên cơ sở thống nhất danh mục dự án RETTA 7644, cần ưu tiên đẩy nhanh tiến độ thực hiện đồ án quy hoạch chung của thành phố giai đoạn 2010 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050, theo hướng thuê tư vấn nước ngoài để nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, ưu tiên nghiên cứu mở rộng không gian đô thị để thành phố phát triển lâu dài (nếu thấy cần thiết); triển khai quy hoạch phân khu các phường, quy hoạch chi tiết đô thị; triển khai chia tách phường 1, phường 5 và phường Đông Lương.

- Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2010 - 2020, tầm nhìn đến 2035, phù hợp với quy hoạch chung xây dựng và tình hình thực tiễn của địa phương.

- Làm tốt công tác quản lý quy hoạch và quản lý đô thị; tăng cường công tác quản lý xây dựng, trật tự đô thị; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý đô thị; xây dựng tuyến phố văn minh đáp ứng đủ các tiêu chí đường thông, hè thoáng, đỗ dựng xe đúng qui định, không xả chất thải ra đường, không tập kết vật liệu xây dựng trái phép.

4.2. Phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị

- Định hướng bố trí cảnh quan kiến trúc chủ đạo của thành phố Đông Hà mang đậm nét mô hình "thành phố bên sông nước, lấy trục sông Hiếu làm trung tâm, mở rộng không gian đô thị theo hướng Đông và Đông Bắc, tạo dựng được hình ảnh tiêu biểu "thành phố bên sông Hiếu".

- Chú trọng trong việc đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc hiện đại, có tính thẩm mỹ cao để tạo điểm nhấn đô thị tại các vị trí trung tâm và có những quy định trong việc quản lý xây dựng tại một số khu vực trung tâm của thành phố. Ưu tiên giành quỹ đất cho những dự án có quy mô lớn và có kiến trúc đẹp. Tăng cường công tác quản lý, duy tu, tôn tạo các công trình di tích lịch sử, văn hóa trong thành phố.

- Tiếp tục đầu tư các khu đô thị mới bảo đảm đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật; xây dựng kế hoạch chỉnh trang các khu đô thị cũ, đầu tư nâng cấp các tuyến đường theo quy hoạch, đầu tư công viên cây xanh, các khoảng không gian trong khu dân cư. Tăng cường công tác kiểm tra xử lý vi phạm quy hoạch, lấn chiếm đất đai, gây hủy hoặc phá hoại các không gian công cộng.

5. Xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách và phân cấp quản lý

- Ban hành Nghị quyết về xây dựng phát triển thành phố Đông Hà và ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù theo hướng phân cấp mạnh cho thành phố, tạo điều kiện cho thành phố chủ động huy động các nguồn vốn đầu tư thông qua tổ chức xúc tiến đầu tư; ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố.

- Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý một số lĩnh vực kinh tế - xã hội cho thành phố giai đoạn 2013 - 2020, cụ thể: thực hiện phân cấp quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý dự án đầu tư; quản lý thu thuế của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn; hỗ trợ một phần nguồn thu từ đấu giá đất các dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn thành phố do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện để đầu tư hạ tầng thành phố; ưu tiên bố trí phần vượt thu ngân sách hàng năm cho thành phố để đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị.

6. Về dân số và lao động phi nông nghiệp:

- Có những chính sách, giải pháp hợp lý để tăng dân số về cơ học để đến năm 2020 đạt 9291 người/km^2, đáp ứng được mức tối thiểu của tiêu chuẩn đô thị loại II, cần đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, thu hút các nhà đầu tư, xây dựng các trung tâm thương mại - dịch vụ, siêu thị, các khu vui chơi, dịch vụ giải trí; xây dựng các khu, cụm công nghiệp tạo việc làm, thu hút nguồn lao động, phấn đấu hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 1.500 lao động.

- Phát triển giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế; khuyến khích mở rộng Phân hiệu Đại học Huế, nâng cấp trường Cao đẳng thành trường đại học, nâng cấp trường Trung cấp y thành trường cao đẳng, mở rộng các trường đào tạo nghề để thu hút học sinh, sinh viên, tăng quy mô dân số quy đổi.

- Hiện đại hóa trong sản xuất nông nghiệp, để tăng năng suất; phát triển dịch vụ thương mại, công nghiệp tiểu thủ công nghiệp hợp lý để thu hút và chuyển đổi nguồn lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp.

7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý Nhà nước cho cán bộ các cấp, nhất là đối tượng cán bộ chủ chốt của thành phố và các đơn vị hành chính trực thuộc; có cơ chế đột phá trong bố trí và sử dụng nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo cơ bản, tạo cơ hội cho công chức, viên chức trẻ được thăng tiến, đề bạt, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý. Có chính sách phụ cấp và đãi ngộ đặc biệt (nhà ở, đào tạo..) cho nhân lực có trình độ cao, từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

- Huy động các nguồn lực để đảm bảo nhu cầu vốn cho phát triển nguồn nhân lực trong xã hội, tăng mức đầu tư từ ngân sách cho dạy nghề; nâng cao hiệu quả hoạt động hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và các cơ sở dạy nghề; chú trọng đầu tư cho các cơ sở dạy nghề về cơ sở vật chất và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, giảng viên; nâng cao khả năng đào tạo của các cơ sở đào tạo; tăng cường liên kết phối hợp với các trường Đại học, các cơ sở đào tạo lớn; phát huy chức năng trung tâm đào tạo cấp vùng, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

8. Nâng cao hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng:

Công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố ngày càng khó khăn phức tạp, ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng, hiện nay vẫn còn nhiều vướng mắc khó khăn, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Cần nghiên cứu ban hành các chính sách đặc thù để thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố, như phương án chung giao đất cho các hộ nằm trong phạm vi GPMB thực hiện dự án, có các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm; đầu tư các khu tái định cư, xây dựng và ban hành giá đất hợp lý.

- Thiết lập quỹ để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, giải quyết tình trạng nhiều công trình hoàn thành công tác GPMB được nhân dân chấp nhận, nhưng chưa bố trí được kinh phí để chi trả, dẫn đến kéo dài gây bức xúc, khiếu kiện.

- Công tác GPMB ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư, do đó cần ưu tiên kinh phí để GPMB các khu đất quy hoạch cho các dự án đầu tư, tạo mặt bằng sạch để kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư.

III. NHU CẦU NGUỒN VỐN ĐẾN NĂM 2020

Để thực hiện các kế hoạch định hướng trên dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2013 đến 2020 khoảng 11.000 tỷ đồng (phụ lục III), bao gồm:

- Ngân sách Trung ương, tỉnh đầu tư trên địa bàn, vốn đầu tư nước ngoài (ODA): 4.180 tỷ đồng

- Ngân sách thành phố: 1.320 tỷ đồng

- Huy động nhân dân: 2.110 tỷ đồng

- Thu hút vốn đầu tư bên ngoài + doanh nghiệp: 3.390 tỷ đồng

Nhu cầu vốn để đầu tư các công trình hạ tầng từ 2013 - 2020 là 8.890 tỷ đồng (Danh mục dự án đầu tư nhu cầu nguồn vốn phụ lục phụ lục II)

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. UBND tỉnh: Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng phát triển thành phố Đông Hà.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Phối hợp, hướng dẫn UBND thành phố Đông Hà trong quá trình triển khai thực hiện đề án; Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn và lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho thành phố Đông Hà đảm bảo hiệu quả.

3. Sở Xây dựng: Tham mưu đề xuất Bộ Xây dựng bổ sung thành phố Đông Hà vào chương trình Quy hoạch phát triển đô thị giai đoạn 2015 - 2020; phối hợp với thực hiện việc lập điều chỉnh quy hoạch chung thành phố giai đoạn 2013 - 2020 tầm nhìn đến năm 2050; thẩm định, tham mưu ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị.

4. Sở Giao thông - Vận tải: Tập trung triển khai đẩy nhanh tiến độ các dự án đã được phê duyệt; xây dựng kế hoạch nâng cấp các tuyến đường chính.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tiếp tục kêu gọi đầu tư sửa chữa, nâng cấp và đầu tư mới các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp (kè chống xói lỡ sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Phước, nâng cấp các hộ đập); hướng dẫn thực hiện xây dựng cánh đồng mẫu công nghệ cao.

6. Sở Tài nguyên & Môi trường: Rà soát đánh giá hiệu quả sử dụng đất của các tổ chức doanh nghiệp được giao để có phương án điều chỉnh hợp lý; kiểm tra và kiên quyết xử lý việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường. Tham mưu các chính sách để làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, quy hoạch sử dụng đất.

7. Sở Thông tin và Truyền thông: Nâng cấp hiện đại hóa cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc; kiểm tra lộ trình thực hiện ngầm hóa hệ thống viễn thông.

8. Sở Nội vụ: Tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền thành phố; hướng dẫn thành phố Đông Hà xây dựng đề án chia tách phường 1, phường 5, phường Đông Lương, mở rộng đơn vị hành chính; tạo điều kiện để thành phố

chủ động và phát huy tối đa năng lực và thu hút mạnh mẽ nguồn nhân lực có trình độ cao trong quá trình phát triển.

9. Các Sở, ban ngành liên quan khác theo nhiệm vụ chức năng của ngành xây dựng kế hoạch, phối hợp và tổ chức thực hiện chương trình xây dựng phát triển đô thị thành phố Đông Hà.

10. UBND thành phố Đông Hà:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành liên quan đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư.

Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, giám sát thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, chỉnh trang đô thị đảm bảo đúng theo quy hoạch, kế hoạch, tiến độ đã được phê duyệt; tiếp nhận chuyển giao và tổ chức quản lý vận hành khi nhận chuyển giao các dự án đầu tư phát triển đô thị.

Chủ động phối hợp với các Sở, Ngành liên quan trong việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển toàn diện các ngành lĩnh vực trên địa bàn thành phố.

Hàng năm đánh giá tình hình thực hiện và đề ra nhiệm vụ triển khai năm tiếp theo báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo.

II. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Kiến nghị với Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Quảng Trị, tạo điều kiện cho tỉnh chủ động huy động các nguồn vốn đầu tư, phân cấp quyết định các dự án đầu tư nằm trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh để tạo điều kiện tập trung đầu tư phát triển đô thị thành phố Đông Hà.

Kiến nghị Bộ Xây dựng trình Chính phủ bổ sung thành phố Đông Hà vào quy hoạch chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012- 2020 (theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020, thành phố Đông Hà không có trong danh mục đô thị được nâng cấp loại đô thị).

Kiến nghị Bộ Giao thông Vận tải chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Đông Hà, đầu tư cải tạo cầu Đông Hà.

Kiến nghị Chính phủ cho lập Đề án chia tách phường 1, phường 5, Đông Lương thành những phường mới để phù hợp công tác quản lý xã hội, quản lý quy hoạch phát triển đô thị và mật độ, phân bố dân cư; thống nhất chủ trương điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Đông Hà theo hướng mở rộng, sát nhập thêm một số xã của các huyện lân cận vào thành phố để mở rộng quy mô diện tích, tăng dân số và xây dựng một số khu chức năng có hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có các công trình quy mô để tạo điểm nhấn cho thành phố Đông Hà (khi có đủ điều kiện).

III. KẾT LUẬN.

Đề án Xây dựng thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II vào năm 2020 là kế hoạch phát triển đô thị nhằm định hướng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và không gian đô thị trong thời gian tới; đề ra định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực; xác định các mục tiêu ưu tiên đầu tư; những biện pháp, cơ chế chính sách phù hợp nhằm phát huy tối đa tiềm năng thế mạnh của thành phố, huy động mọi nguồn lực trong tỉnh và thu hút đầu tư bên ngoài xây dựng Đông Hà trở thành đô thị loại II vào năm 2020./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Cường

PHỤ LỤC I

Bảng tổng hợp so sánh các tiêu chí đô thị loại II với hiện trạng đô thị Đông Hà thời điểm năm 2012

(Theo thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng)

TT	Các yếu tố đánh giá	Thang điểm	Tiêu chuẩn đô thị loại II	Hiện trạng đến năm 2012		Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 theo Đề án	
				Chỉ tiêu hiện trạng	Đánh giá đạt chưa đạt	Chỉ tiêu phấn đấu	Đánh giá đạt chưa đạt
I	**Chức năng đô thị**	**10,5-15**			**Chưa đạt**		
1	***Tính chất đô thị***	3,5 - 5	Là đô thị trực thuộc tỉnh, trung tâm chuyên ngành cấp quốc gia, trung tâm tổng hợp vùng.	Là đô thị trực thuộc tỉnh.	Chưa đạt	Là đô thị trực thuộc tỉnh, trung tâm tổng hợp vùng.	Đạt
2	***Kinh tế xã hội***	6,9 -10					
2.1	Tổng thu ngân sách trên địa bàn (tỷ đồng/năm)	1,4 - 2	420-600	332	Chưa đạt	450	Đạt
2.1	Cân đối thu chi ngân sách	1,0 -1,5	Đủ- Dư		Chưa đạt	Đủ	Đạt
2.3	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)	1,4 - 2	1,4-2,0	1,6	Đạt	1,5	Đạt
2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)	1,4 - 2	6-7	10,9	Đạt	11,0	Đạt
2.5	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	1,0 - 1,5	10-15	6,3	Đạt	≈ 0	Đạt
2.6	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (%)	0,7 - 1,0	1,5 -1,8	1,35	Chưa đạt	1	Chưa đạt
II	**Quy mô dân số toàn đô thị**	**7-10**			**Chưa đạt**		

1	***Dân số toàn đô thị (1000 người)***	1,4-2	300-800	96,3	Chưa đạt	150	Chưa đạt
2	***Dân số nội thị (1000 người)***	2,8-4	120-320	96,3	Chưa đạt		Chưa đạt
3	***Tỷ lệ đô thị hóa (%)***	2,8-4	40-70	40	Đạt	60	Đạt
III	**Mật độ dân số**	**3,5-5**			**Chưa đạt**		
1	***Mật độ dân số (người/km2)***	3,5-5	8000-10000	5967	Chưa đạt	9291	Đạt
IV	**Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp**	**3,5-5**			**Đạt**		
1	***Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)***	3,5-5	80-85	85,4	Đạt	90	Đạt
V	**Hệ thống công trình hạ tầng đô thị**	**38,5-55**			**Chưa đạt**		
1	***Công trình hạ tầng đô thị***						
1.1	Diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực nội thị(m2 sàn/người)	3,5-5	12-15	19	Đạt	19	Đạt
1.2	Tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố cho khu vực nội thị (%)	3,5-5	65-75	98,8	Đạt	≈ 100	Đạt
2	***Công trình công cộng cấp đô thị***						
2.1	Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở (m2 /người)	1,0-1,5	1,5-2,0		Chưa đạt	1,5	Đạt
2.2	Chỉ tiêu đất dân dụng(m2 /người)	1,0-1,5	54 - 61	130	Đạt	130	Đạt
2.3	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m2 /người)	1,0 – 1,5	4 - 5	7,9	Đạt	7,9	Đạt
2.4	Cơ sở y tế(trung tâm y tế chuyên sâu, bệnh viên đa khoa, chuyên khoa các câp) (giường/1000 dân)	1,0-1,5	1,5-2	4	Đạt	4	Đạt
2.5	Cơ sở giáo dục, đào tạo(đại học cao đẳng, trung học, dạy nghề) (cơ sở)	0,7-1,0	10-20	06	Chưa đạt	10	Đạt

27

2.6	Trung tâm văn hóa(nhà hát, rạp chiếu phim,bảo tàng, nhà văn hóa) (số công trình)	0,7-1	6-10	04	Chưa đạt	06	Đạt
2.7	Trung tâm TDTT(sân vận động, nhà thi đấu ,câu lạc bộ) (số công trình)	0,7-1	5-7	04	Chưa đạt	05	Đạt
2.8	Trung tâm thương mại-dịch vụ (chợ, siêu thị, cửa hàng bách hóa)(số công trình)	0,7-1	7-10	08	Đạt	06-10	Đạt
3	***Hệ thống giao thông***				**Chưa đạt**		
3.1	Đầu mối giao thông (cảng hàng không-sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách) (cấp)	1,4-2	Quốc gia, Liên vùng	Liên vùng	Đạt	Liên vùng	Đạt
3.2	Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thị (%)	1,4-2	15-22	8,8	Chưa đạt	15	Đạt
3.3	Mật độ đường trong khu vực nội thị (tính đến đường có chiều rộng đường đỏ ≥ 11,5m) (km/km^2)	1,4-2	7-10	4,4	Chưa đạt	7	Đạt
3.4	Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng (%)	1,4-2	10-15	100	Đạt	100	Đạt
3.5	Diện tích đất giao thông/dân số nội thị (m^2/người)	1,4-2	9-11	20	Đạt	30	Đạt
4	***Hệ thống cấp nước***				**Đạt**		
1	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực nội thị (lít/người/ngày đêm)	1,4-2	110-120	120	Đạt	150	Đạt
2	Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước sạch (%)	1,0-1,5	75-80	85	Đạt	100	Đạt
3	Tỷ lệ nước thất thoát (%)	1,0-1,5	30-25	20	Đạt	20	Đạt
5	***Hệ thống thoát nước***	4,2-6			**Chưa đạt**		

5.1	Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị (km/km^2)	1,4-2	4-4,5	1,5	Chưa đạt	2,5	Chưa đạt
5.2	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý (%)	1,4-2	50-60	0	Chưa đạt	25	Chưa đạt
5.3	Tỷ lệ các cơ sở sản suất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải (%)	1,4-2	80-100	30	Chưa đạt	60	Chưa đạt
6	***Hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng***	2,8-6			**Chưa đạt**		
6.1	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực nội thị (kwh/người/năm)	1,4-2	700-850	700	Đạt	700	Đạt
6.2	Tỷ lệ đường phố chính khu vực nội thị được chiếu sáng (%)	0,7-1	95-100	65	Chưa đạt	95	Đạt
6.3	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng (%)	0,7-1	55-80	25	Chưa đạt	55	Đạt
7	***Hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông***	1,4-2			Đạt		
7.1	Số thuê bao điên thoại bìnhquân/số dân/(máy/ 100 dân)	1,4-2	20-30	93	Đạt	93	Đạt
8	***Cây xanh, thu gom xử lý chất thải và nhà tang lễ***	5,6-8			**Chưa đạt**		
8.1	Đất cây xanh đô thị (m^2/người)	0,7-1	7-10	11,2	Đạt	11,2	Đạt
8.2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị (m^2/người)	1,4-2	5-6	3	Chưa đạt	5	Đạt
8.3	Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom (%)	1,4-2	80-90	83	Đạt	95	Đạt
8.4	Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được xử lý (chôn lấp hợp vệ sinh, tái chế, công nghệ đốt) (%)	1,4-2	70-80	83	Đạt	95	Đạt
8.5	Số nhà tang lễ khu vực nội thị (nhà)	0,7-1	3-4	0	Chưa đạt	01-02	Chưa đạt

VI	**Kiến trúc cảnh quan đô thị**	**7-10**			**Chưa đạt**		
1	***Quy chế quản lý kiến trúc đô thị***	1,4-2	Đã có quy chế thực hiện	Chưa có quy chế	**Chưa đạt**	Có quy chế thực hiện	Đạt
2	***Khu đô thị mới kiểu mẫu***	1,4-2			**Chưa đạt**		
2.1	Khu đô thị mới (khu)	0,7-1	4	02	Chưa đạt	04	Đạt
2.2	Khu cải tao, chỉnh trang đô thị (khu)	0,7-1	2-4	0	Chưa đạt	02	Đạt
3	***Tuyến phố văn minh đô thị***	1,4-2			**Chưa đạt**		
3.1	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính khu vực nội thị (%)	1,4-2	20-40	0	Chưa đạt	20	Đạt
4	***Không gian công cộng***	1,4-2			**Chưa đạt**		
4.1	Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)	1,4-2	4-6	3	Chưa đạt	04-06	Đạt
5	***Tổ hợp kiến trúc hoặc công trình kiến trúc tiêu biểu***	1,4-2			Chưa đạt		
5.1	Có công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hóa lịch sử, di sản	0,7-1	Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hội nghề nghiệp tại địa phương công nhận	01	Đạt	01	Đạt
5.2	Tỷ lệ các công trình di sản, văn hóa lịch sử và tiêu biểu được trùng tu, tôn tạo (%)	0,7-1	40-50	33	Chưa đạt	40	Đạt
	Cộng	**70-100**					

PHỤ LỤC II
Danh mục các dự án đầu tư năm 2013 - 2020

TT	Danh mục đầu tư	Quy mô, công suất	Dự kiến mức đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5
A	**Các dự án đang triển khai**		**4,039.24**	
I	**Quy hoạch đô thị**		**79**	
1	Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030		79.04	Dự án HTKT Phát triển đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mêkông (RETTA7644) nguồn vốn ADB và ngân sách (tài khóa từ năm 2012-2018) Tổng mức là 42,97 triệu USD, trong đó QH thành phố là 3,5 triệu USD.
II	**Hệ thống giao thông**		**1,602.1**	
1	Dự án xây dựng đường tránh cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố (đường Trần Bình Trọng)		188.4	1453/QĐ-UBND ngày 05/8/2010 của UBND tỉnh (Tổng mức đầu tư 209,4 tỷ, đã bố trí 21 tỷ)
2	Dự án đường Trần Nguyên Hãn		70.5	2462/QĐ-UBND 27/11/2009 của UBND tỉnh (tổng mức 143 tỷ, đã đầu tư 72,5 tỷ)
3	Dự án đường Lê Lợi kéo dài		19.7	1526/QĐ-UBND ngày 18/9/2010 của UBND tỉnh (tổng mức 52,2 tỷ đ, đã đầu tư 32,5 tỷ đ)
4	Dự án xây dựng đường Lê Thánh Tông từ đường Hàm nghi đến đường tránh QL9 phía Bắc thành phố	Dài 4,5 km, mặt cắt QH 20,5m và Cầu qua sông Hiếu	350	Nguồn vốn TW, Tỉnh
5	Dự án đường Nguyễn Trãi kéo dài (đoạn QL9- Trần Bình Trọng)		20	Nguồn vốn TW, Tỉnh
6	Dự án đường nối cầu Đại Lộc		38	Nguồn vốn TW, Tỉnh
7	Xử lý các nút giao thông nguy hiểm	Gồm 17 nút, mặt đường cấp cao bê tông nhựa	38.5	984/QĐ-UBND 31/5/2011 của UBND tỉnh (tổng mức 46 tỷ đ, đã đầu tư 7,5 tỷ đ)

8	Dự án đường Hoàng Diệu	Dài 4,5 km, mặt cắt QH 34m và 20,5m;	206	Dự án hỗ trợ kỹ thuật Phát triển đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mêkông (RETTA7644) nguồn vốn ADB và ngân sách (tài khóa từ năm 2012-2018)
9	Dự án đường Lê Thánh Tông (đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương)	Dài 600 m, mặt cắt QH 26m;	55	
10	Dự án đường phường 2-Đông Lễ đến Đông lương	Dài 8 km, mặt cắt QH 20,5m;	270	
11	Dự án đường Bà Triệu	Dài 4 km, mặt cắt QH 20,5m;	155	
12	Dự án đường Thanh Niên nối với đường tránh phía Bắc thành phố	Dài 2 km, mặt cắt QH 20,5m;	100	
13	Dự án Đường Trường Chinh	T1 dài 0,81 km, mặt cắt 16m; T2 dài 0,14 km, mặt cắt 10m.	41	
14	Dự án Cải tạo nâng cấp Cảng sông Đông Hà		50	
III	**Khu, cụm công nghiệp**		**280**	
1	Khu công nghiệp phía Nam Đông Hà	Diện tích 104 ha	150	Nguồn vốn TW, Tỉnh
2	Dự án các Cụm CN của thành phố	33,4 ha	130	Nguồn vốn TW, Tỉnh
IV	**Kè sông, hồ, thoát nước**		**591.1**	
1	Dự án kè 2 bờ sông Hiếu	8 km	133	2617/QĐ-UBND ngày 19/12/2006 của UBND tỉnh (tổng mức đầu tư là 169 tỷ, đã bố trí 33 tỷ)
2	Dự án kè bờ sông Thạch Hãn	5 km	80	Nguồn vốn TW
3	Dự án kè bờ sông Lai phước	6 km	120	Nguồn vốn TW
4	Dự án thoát nước nguồn vốn WB (giai đoạn I).	Xây dựng hệ thống thoát nước,xử lý nước thải	258.1	Tài khóa từ năm 2012-2018 nguồn vốn WB và NS đối ứng, tổng mức 332,6 tỷ; đã đầu tư 74,5 tỷ.
V	**Khu đô thị, dân cư**		**547**	
1	Xây dựng CSHT Khu đô thị Nam Đông Hà (Giai đoạn 2,3)	120 ha	220	Nguồn vốn Tỉnh (90%), Thành phố (10%)
2	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị Bắc Nguyễn Huệ	2,2 ha	171	Doanh nghiệp
3	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị Bắc sông Hiếu	128 ha	67	Doanh nghiệp
4	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị Đông đường Thành cổ	5 ha	26	Doanh nghiệp

5	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị Đông Trần Bình Trọng- khu phố 8 phường 5	43 ha	17	Nguồn vốn Thành phố
6	Xây dựng hoàn thành hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư Tây Hùng Vương.	45 ha	46	Nguồn vốn Tỉnh (90%), Thành phố (10%)
VI	**Khu thương mại, dịch vụ**		**410**	
1	Chợ Hàm Nghi	2 ha	60	Kêu gọi đầu tư
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nghỉ dưỡng Khe Mây		250	Kêu gọi đầu tư
3	Xây dựng công viên dịch vụ Cọ dầu		100	Kêu gọi đầu tư
VII	**Hạ tầng xã hội**		**440**	
1	Dự án xây dựng hoàn chỉnh Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh		70	Nguồn vốn TW,
2	Dự án xây dựng Nhà Văn hóa trung tâm thành phố		60	Nguồn vốn TW,
3	Dự án xây dựng Công viên trung tâm thành phố	6ha	100	Kêu gọi đầu tư
4	Xây dựng hoàn thành Bệnh viện	500 giường	210	Nguồn vốn TW, Tỉnh (Đã đầu tư 300 tỷ đồng)
VIII	**Hệ thống chiếu sáng, vĩa hè**		**90**	
1	Hệ thống chiếu sáng	25 km	40	Tuyến chính 15km, dân cư 10km
2	Vĩa hè	150.000 m2	50	NS nhà nước và nhân dân đóng góp
B	**Dự án giai đoạn 2016-2020**		**4,851**	
I	**Hệ thống giao thông**		**1,981**	
1	Xây dựng mới nút giao thông khác cốt tại vị trí giao đường sắt, đường Lê Duẩn với đường Điện Biên Phủ		50	Nguồn vốn TW, Tỉnh.
2	Xây dựng mới đường Bùi Thị Xuân	Dài 1,5 km, mặt cắt QH 20,5m	50	Nguồn vốn Thành phố
3	Xây dựng đường Nguyễn Trãi(từ Nguyễn Đình Chiểu lên phường 4)	Dài 4,0 km, mặt cắt QH 16m	150	Nguồn vốn TW, Tỉnh.
4	Đường Lý Thường Kiệt (từ Nguyễn Du- phường 4)	Dài 5km, QH 26m;	250	Nguồn vốn TW, Tỉnh.

5	Đường Lê thế Tiết	Dài 2 km, mặt cắt QH 20,5m;	16	Nguồn vốn Thành phố
6	Đường dọc kênh N2	Dài 5 km, mặt cắt QH 20,5m;	60	Nguồn vốn TW, Tỉnh.
7	Đường tránh quốc lộ 1 phía Đông thành phố	Dài 14 km, mặt cắt QH 32 m;	700	Nguồn vốn TW, Tỉnh.
8	Đường Trần Nguyên Hãn nối dài	Dài 2 km, mặt cắt QH 20,5 m;	125	Nguồn vốn TW, Tỉnh.
9	Xây dựng đường gom dọc hai bên đường sắt Bắc Nam	Dài 14 km, QH 13m	400	Nguồn vốn TW, Tỉnh.
10	Bến xe phía Bắc và phía Nam	6 ha	80	Nguồn vốn Thành phố
11	Nâng cấp các tuyến đường chính đô thị	20 km	100	Nguồn vốn TW, Tỉnh.
II	**Khu thương mại, dịch vụ**		**1,360**	
1	Dự án xây dựng mới khu công viên văn hóa thanh niên (Khu vực Cọ Dầu)	8 ha	150	Kêu gọi đầu tư
2	Dự án xây dựng Trung tâm thương mại Bến xe cũ	2 ha	350	Kêu gọi đầu tư
3	Dự án xây dựng Trung tâm thương mại Nam Đông Hà	4 ha	200	Kêu gọi đầu tư
4	Dự án xây dựng Trung tâm thương mại tại Khu bãi Thạch cao	2 ha	150	Kêu gọi đầu tư
5	Xây dựng CSHT khu dịch vụ Hói Sòng	15 ha	100	Kêu gọi đầu tư
6	Xây dựng các chợ đầu mối phường 4, Đông Lễ	7 ha	60	Kêu gọi đầu tư
7	Dự án xây dựng Trung tâm triển lãm tỉnh	3 ha	200	Nguồn vốn TW, tỉnh
8	Dự án xây dựng công viên vĩnh hằng	10 ha	150	Kêu gọi đầu tư
III	**Kè sông, hồ, thoát nước, xử lý môi trường**		**1,400**	
1	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải	Diện tích 10ha,	200	Nguồn vốn ODA và NS đối ứng
2	Dự án thoát nước (khu vực đô thị giai đoạn II, giai đoạn 1)	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải	800	Nguồn vốn ODA và NS đối ứng
3	Kè Hồ Trung Chi	Diện tích 55ha	130	Nguồn vốn ODA và NS đối ứng
4	Kè Hồ Khe Mây	Diện tích 15ha	150	Nguồn vốn ODA và NS đối ứng
5	Kè Hồ Km6	Diện tích 15ha	70	Nguồn vốn ODA và NS đối ứng

6	Kè sông Hói Sòng	Dài 8 km	50	Nguồn vốn ODA và NS đối ứng
VI	**Hệ thống chiếu sáng, vỉa hè**		**110**	
1	Hệ thống chiếu sáng	30km (Tuyến chính 15km, dân cư 15km)	60	Nguồn vốn tỉnh và thành phố
2	Vỉa hè	150.000 m2	50	NS nhà nước và nhân dân đóng góp
	TỔNG CỘNG		**8,890**	

PHỤ LỤC III

Bảng tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2013 - 2020

TT	Nguồn vốn	Nhu cầu vốn 2013-2015 (tỷ đồng)	Tổng nhu cầu vốn 2016-2020 (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn 2013-2020 (tỷ đồng)	Tỷ lệ bình quân cơ cấu các nguồn vốn (%)
I	**Phân theo ngành kinh tế**	**3938.00**	**7062.00**	**11000.00**	**100.00**
1	Công nghiệp - Xây dựng	1681.34	3014.66	4697.00	42.70
2	Nông lâm ngư nghiệp	12.00	22.00	33.00	0.30
3	Dịch vụ	2244.66	4025.34	6270.00	57.00
II	**Phân theo nguồn vốn**	**3938.00**	**7062.00**	**11000.00**	**100.00**
1	Ngân sách TW, Tỉnh, vốn nước ngoài	1496.00	2684.00	4180.00	38.00
2	Ngân sách Thành phố (gồm chương trình mục tiêu, TPCP)	473.00	847.00	1320.00	12.00
3	Vốn của Doanh nghiệp	1142.00	2248.00	3390.00	30.82
4	Vốn của dân cư	827.00	1283.00	2110.00	19.18